TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VIỆT YÊN** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2020/HS-ST
Ngày 28-02-2020

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VIỆT YÊN, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Ngô Văn Quang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lương Thanh Văn.

Ông Dương Văn Toản.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Tuấn – Thư ký Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tham gia phiên tòa: Ông Phạm Văn Công - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 02 năm 2020 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Việt Yên, tỉnh Bắc Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 16/2020/TLST-HS ngày 15 tháng 01 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 08/2020/QĐXXST-HS ngày 17 tháng 02 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: **Nguyễn Văn T**, sinh năm 1994; Tên gọi khác: Không; Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú và chỗ ở: thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ học vấn: 12/12; Đảng, chính quyền, đoàn thể: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Bố đẻ: Nguyễn Văn Q9, sinh năm 1974; Mẹ đẻ: Ngô Thị M9, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Anh, chị em: Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất;

Tiền án:

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 01/2015/HSST ngày 13/01/2015 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xử phạt 12 tháng tù về tội "Cướp giật tài sản". (T hiện hành vi phạm tội ngày 09/8/2014).

+ Tại bản án hình sự sơ thẩm số 40/2016/HSST ngày 24/5/2016 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn xử phạt 02 năm 06 tháng tù về tội "Trộm cắp tài sản" (trị giá tài sản trộm cắp 11.550.000đồng). Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù ngày 21/01/2018.

Tiền sự: Không;

Nhân thân: Tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2011/HSST ngày 01/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo T 02 năm tù, buộc bồi thường cho bị hại 14.425.000đồng và phải chị án phí hình sự, dân sự sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản". (Trị giá tài sản trộm cắp 50.428.000đồng).Ngày 09/01/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phúc thẩm phạt bị cáo T 15 tháng tù nhưng cho

hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng 20 ngày về tội "Trộm cắp tài sản". Bị cáo chấp hành xong án phí của bản án hình sự sơ thẩm vào ngày 03/10/2014).

Bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/10/2019. Hiện đang tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang (Có mặt tại phiên tòa).

- Bị hại:

1. Anh Trương Văn S, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Ông Trần Văn L, sinh năm 1976 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Nguyễn Anh T, sinh năm 1988 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn Mỹ Cầu, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Phạm Lương Tr, sinh năm 1990 (Tên gọi khác: Q) (Vắng mặt).

Địa chỉ: Số nhà 34, ngõ 134, đường V, phường T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang.

- Người làm chứng:

1. Anh Vi Viết Tr1, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

2. Anh Vi Văn T1, sinh năm 2000 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

3. Anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

4. ông Nguyễn Quang S1, sinh năm 1970 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Buổi tối ngày 12/10/2019, Nguyễn Văn T, sinh năm 1994, trú quán: thôn N, xã N, huyện L, tỉnh Bắc Giang đang ở phòng trọ của mình tại thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang thì anh Vi Viết Tr1, sinh năm 2000, trú quán: thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354 đến xin ngủ nhờ (T và anh Tr1 có mối quan hệ bạn bè từ trước). Tại đây, T phát hiện thấy khi ngủ anh Tr1 để chùm chìa khóa, gồm 02 chiếc chìa khóa xe mô tô ở đầu giường nên đã lấy trộm 01 chiếc chìa khóa cất giấu chờ cơ hội trộm cắp xe mô tô của anh Tr1. Sau đó, anh Tr1 đi về nhưng không phát hiện việc T trộm cắp chìa khóa xe mô tô trước đó. Đến khoảng 09 giờ ngày 14/10/2019, do bận đi làm nên anh Tr1 nhờ bạn là anh Vi Văn T1, sinh năm 2000, trú quán: thôn C, xã G, huyện L, tỉnh Bắc Giang mang xe mô tô biển kiểm soát 98F9-5354 trả cho anh Trương Văn S, sinh năm 2000, trú quán: thôn N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang (anh Tr1 khai mượn xe của anh S) nên anh Toàn điều khiển chiếc xe này đến quán Internet của anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990, trú quán: thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang trả xe cho anh S. Sau khi nhận xe, anh S để xe ở nhà xe của quán rồi đi lên tầng 2 ngồi chơi điện tử. Khoảng 10 giờ ngày 14/10/2019, Tr1 đi bộ đến quán Internet của anh K

xem ai để xe mô tô sơ hở thì trộm cắp. Tại đây, T quan sát thấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354 để ở nhà xe của quán Internet, xung quanh không có người nên đi đến dùng chìa khóa trộm cắp trước đó mở khóa, đề xe nổ máy trộm cắp chiếc xe này đi đến nhà bạn là Nguyễn Anh T, sinh năm 1988, trú quán: thôn M, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang nói dối là xe của mình để gửi xe ở nhà anh T chờ cơ hội đem đi tiêu thụ.

Ngày 27/10/2019, anh S làm đơn trình báo việc bị trộm cắp xe mô tô đến Công an huyện Việt Yên.

Ngày 30/10/2019, T đến Công an huyện Việt Yên đầu thú và khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội.

Cùng ngày 30/10/2019, anh Nguyễn Anh T đã giao nộp xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354 cùng chìa khóa xe cho Công an huyện Việt Yên và Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên thu giữ được tại quán Internet của anh K hình ảnh Camera ghi lại quá trình T trộm cắp xe mô tô của anh S ngày 14/10/2019.

Ngày 04/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá và kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354 trị giá 20.500.000 đồng.

Ngày 02/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354 cùng chìa khóa xe cho anh S, nay anh không có yêu cầu và đề nghị gì.

Quá trình điều tra bị can T còn khai nhận ngoài hành vi trộm cắp nêu trên, bị can còn T hiện 01 vụ trộm cắp xe mô tô khác tại huyện Việt Yên, cụ thể:

Khoảng 14 giờ ngày 01/10/2019, anh Trần Văn L, sinh năm 1976, trú quán: thôn Giếng, xã Tân Mỹ, thành phố Bắc Giang, tỉnh Bắc Giang điều khiển xe mô tô Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 của mình chở Nguyễn Văn T đến công trình xây dựng nhà ở của gia đình anh Nguyễn Quang S1, sinh năm 1970, ở thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang để cùng lăn sơn nhà thuê cho anh S. Tới nơi, anh L để xe mô tô của mình ở ngoài cổng sau đó đi vào phòng khách ở tầng 1 thay quần áo và đút chìa khóa xe mô tô vào túi quần treo trên móc quần áo ở tường rồi đi vào phòng ngủ của công trình làm việc, còn T lên làm việc tại tầng 2 của công trình. Khoảng 16 giờ cùng ngày, thấy anh L đang lăn sơn trong phòng ngủ nên T nảy sinh ý định trộm cắp xe mô tô của anh L đem đi bán. T ra phòng khách lục túi quần của anh L lấy chìa khóa xe mô tô rồi đi ra cổng mở khóa, nổ máy điều khiển xe mô tô Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 đến nhà anh Phạm Lương Tr (tên gọi khác là Q) sinh năm 1990, ở số nhà 34, ngõ 134, đường V, phường T, thành phố B nói dối là xe mô tô của mình rồi bán xe cho anh Tr được 5.700.000 đồng. Toàn bộ số tiền này, T đã chi tiêu cá nhân hết.

Ngày 28/10/2019, anh L làm đơn trình báo hành vi trộm cắp tài sản của T đến Công an huyện Việt Yên.

Ngày 10/11/2019, Anh Phạm Lương Tr đã tự nguyện giao nộp cho Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Việt Yên xe mô tô Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 cùng chìa khóa xe.

Ngày 04/11/2019, Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện Việt Yên định giá và kết luận xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 trị giá 16.000.000đồng.

Ngày 26/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 cùng chìa khóa xe cho anh L, nay anh không có yêu cầu và đề nghị gì. Anh Phạm Lương Tr không yêu cầu bị can T hoàn trả lại anh số tiền bỏ ra mua xe mô tô từ bị can.

Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 14/01/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên truy đã tố bị cáo Nguyễn Văn T về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo quy định tại điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa bị cáo Nguyễn Văn T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như Cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên giữ nguyên quan điểm truy tố đối với bị cáo. Sau khi phân tích tính chất vụ án, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ và nhân thân bị cáo, đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản"*.

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T từ 03 năm 06 tháng đến 04 năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

Về án phí: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Uỷ ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Bị cáo đồng ý luận tội, không tranh luận gì.

Bị cáo nói lời sau cùng: Bị cáo xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình và xã hội.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát trong quá trình điều tra, truy tố đã T hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Tại các bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản hỏi cung bị can mà bị cáo đã trình bày nội dung lời khai là hoàn toàn tự nguyện. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của các cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã T hiện đúng quy định của pháp luật.

[2] Tại phiên tòa, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và người làm chứng vắng mặt, Hội đồng xét xử thấy trong hồ sơ đã có đầy đủ lời khai thể hiện quan điểm của họ và sự vắng mặt của họ không gây ảnh hưởng đến việc xét xử. Căn cứ vào Điều 292, Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự, Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung bản Cáo trạng đã nêu, phù hợp với lời khai của bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan, người làm chứng cùng các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ cơ sở kết luận:

Trong các ngày 01/10/2019 và 14/10/2019, bị cáo Nguyễn Văn T đã T hiện 02 vụ trộm cắp tài sản là xe mô tô ở huyện Việt Yên với tổng trị giá tài sản là 36.500.000 đồng, trong đó: Khoảng 16 giờ ngày 01/10/2019, tại cổng nhà anh Nguyễn Quang S1, sinh năm 1970, ở thôn V, xã V, huyện V, tỉnh Bắc Giang, có hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 trị giá 16.000.000 đồng của anh Trần Văn L, sinh năm 1976, trú quán: thôn G, xã T, thành phố B, tỉnh Bắc Giang; Khoảng 09 giờ ngày 14/10/2019, tại quán Internet của anh Nguyễn Văn K, sinh năm 1990, trú quán: thôn M, xã H, huyện V, tỉnh Bắc Giang, có hành vi trộm cắp xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354 trị giá 20.500.000 đồng, của anh Trương Văn S, sinh năm 2000, trú quán: thôn N, thị trấn C, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Như vậy hành vi của Nguyễn Văn T đã cấu thành tội "*Trộm cắp tài sản*". Bản Cáo trạng số 10/CT-VKS ngày 14/01/2020 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên và bản Luận tội của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Việt Yên tại phiên tòa đã truy tố bị cáo về tội *"Trộm cắp tài sản"* theo điểm g khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự là đúng người, đúng tội và không oan đối với bị cáo.

[4] Hành vi phạm tội của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, không chỉ xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ mà còn gây mất trật tự công cộng, gây hoang mang lo sợ trong quần chúng nhân dân. Với hành vi phạm tội của bị cáo, sau khi được phân tích và đánh giá tính chất, mức độ của hành vi bị cáo gây ra, Hội đồng xét xử xét thấy cần thiết phải áp dụng đối với bị cáo một hình phạt theo Bộ luật hình sự mới có tác dụng giáo dục bị cáo.

[5] Xét về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo thấy:

Về nhân thân: Bị cáo là người có nhân thân xấu, tại bản án hình sự sơ thẩm số 74/2011/HSST ngày 01/11/2011 của Tòa án nhân dân huyện Lục Ngạn, tỉnh Bắc Giang xử phạt bị cáo T 02 năm tù, buộc bồi thường cho bị hại 14.425.000đồng và phải chị án phí hình sự, dân sự sơ thẩm về tội "Trộm cắp tài sản". (Trị giá tài sản trộm cắp 50.428.000đồng). Ngày 09/01/2012, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Giang xử phúc thẩm phạt bị cáo T 15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 16 tháng 20 ngày về tội "Trộm cắp tài sản". Bị can chấp hành xong án phí của bản án hình sự sơ thẩm vào ngày 03/10/2014).

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo hai lần T hiện hai vụ trộm cắp khác nhau, mỗi một lần trộm cắp đã đủ yếu tố cấu thành tội trộm cắp tài sản nên phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự phạm tội 02 lần trở lên quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra vụ án và tại phiên tòa, bị cáo khai báo thành khẩn, ăn năn hối cải, sau khi phạm tội đã ra đầu thú. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo là lao động tự do, không có công việc và thu nhập ổn định nên không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền theo quy định tại khoản 5 Điều 173 Bộ luật hình sự đối với bị cáo.

[6] Xét tính chất vụ án, mức độ và hành vi phạm tội, nhân thân bị cáo, Hội đồng xét xử thấy cần thiết phải cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới đủ điều kiện để cải tạo bị cáo thành công dân có ích cho xã hội. Do bị cáo Nguyễn Văn T đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Bắc Giang nên cần tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày để đảm bảo công tác thi hành án.

[7] Về trách nhiệm dân sự: Ngày 02/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354 cùng chìa khóa xe cho anh S, nay anh không có yêu cầu và đề nghị gì. Ngày 26/12/2019, Cơ quan Cảnh sát điều tra- Công an huyện Việt Yên đã trả lại xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 cùng chìa khóa xe cho anh L, nay anh không có yêu cầu và đề nghị gì. Anh Phạm Lương Tr không yêu cầu bị cáo T hoàn trả lại anh số tiền 5.700.000đ bỏ ra mua xe mô tô từ bị cáo. Nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

Số tiền 5.700.000đồng bị cáo bán xe cho anh Tr, anh Tr không yêu cầu bị cáo hoàn trả. Do đây là thỏa thuận dân sự và sự tự nguyện của anh Tr đối với bị cáo nên không truy thu để sung công quỹ nhà nước số tiền này.

[8] Trong vụ án này, anh Nguyễn Anh T là người dùng nơi ở của mình cho T gửi chiếc xe Honda Dream, biển kiểm soát 98F9-5354; anh Phạm Lương Tr là mua chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Air blade, biển kiểm soát 93F1-135.31 nhưng cả anh T và anh Tr đều không biết đó là những tài sản do phạm tội mà có nên không có hành vi vi phạm pháp luật.

[9] Về án phí: Buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Văn T phạm tội *"Trộm cắp tài sản".*

Áp dụng điểm g khoản 2 Điều 173; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 Bộ luật hình sự.

Xử phạt: Bị cáo Nguyễn Văn T 03 năm 06 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đầu thú, bị tạm giữ, tạm giam ngày 31/10/2019.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo Nguyễn Văn T.

2. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a, khoản 1, Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, buộc bị cáo Nguyễn Văn T phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

4. Quyền kháng cáo: Áp dụng các Điều 331, 332, 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND tỉnh Bắc Giang;
- VKSND huyện Việt Yên;
- Trại tạm giam – CA tỉnh Bắc Giang;
- Công an huyện Việt Yên;
- Chi cục THADS huyện Việt Yên;
- Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Ngô Văn Quang